NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, CÂN NHẮC KHI KHAI THÁC MỎ SẮT THẠCH KHÊ

GS.TSKH Đặng Trung Thuận, Hội Địa hóa Việt Nam

1. Đánh đổi kinh tế - môi trường

Phát triển là xu thế chung của mỗi cá nhân, mỗi đất nước và cả xã hội loài người. Kinh tế và môi trường là hai mặt đối lập tương đối của quá trình phát triển đa dạng và phức tạp đó. Cần tăng trưởng kinh tế, nhưng phải đảm bảo chất lượng môi trường là điều không dễ thực hiện. Có thể thấy, các vấn đề môi trường phát sinh từ hoạt động của nền kinh tế là rất phức tạp và khó giải quyết. Trong thực tế hiện nay, một số quốc gia trên thế giới chấp nhận việc đánh đổi các vấn đề môi trường để đẩy mạnh phát triển kinh tế trong thời gian ngắn, sau đó quay trở lại chi trả cho các thiệt hại môi trường. Ví dụ Trung Quốc, nước có tốc độ phát triển kinh tế cao trong những năm gần đây, nhưng để đạt được điều đó quốc gia này đang phải trả giá rất lớn về môi trường. Để tăng trưởng nhanh kinh tế, tài nguyên nước ở Trung Quốc bị khai thác quá nhiều. Nước sông hồ bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nước ngầm bị hút đến khô kiệt gây sụt lún ở 50 thành phố. Những đồng cỏ bị hủy diệt. Mỗi năm tăng thêm 4.000km^2 sa mạc. Theo Ngân hàng Thế giới, ô nhiễm môi trường gây thiệt hại cho Trung Quốc -6,5% GDP/năm. Như vậy, môi trường là một thực thể rất khó lượng giá, không thể đem ra trao đổi, mà chỉ có thể đánh đổi với kinh tế mà kết quả đem lại có thể là được ít, mất nhiều, hoặc thua lỗ nhỏ tùy thuộc vào mục tiêu của sự đánh đổi và chủ thể chấp nhận đánh đổi.

2. Hoạt động khai thác Mỏ sắt Thạch Khê

Mỏ sắt Thạch Khê nằm trên dải cồn cát ven biển thuộc địa phận huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh, là mỏ sắt lớn nhất Việt Nam, thuộc nhóm mỏ skarn, hình thành tại nơi tiếp giáp của đá magma với các đá cacbonat. Quặng sắt nằm dưới mực nước biển, ở độ sâu từ âm 8m đến âm 550m, có chỗ còn sâu hơn. Trữ lượng quặng 544 triệu tấn. Thân quặng thường có dạng thấu kính kéo dài. Thành phần quặng sắt gồm manhetit (Fe_3O_4), rất ít hematit (Fe_2O_3), hàm lượng sắt 45-68%. Có các sunfua: pyrit, sfalerit, chancopyrit. Quặng thuộc loại giàu, chất lượng tốt. Các nguyên tố đi kèm: Mn, Cu, Zn, S không đáng kể. Riêng Zn có hàm lượng tương đối cao là một trở ngại cho luyện kim. Lớp đất phủ trên mỏ sắt là tầng trầm tích cát bở rời màu trắng và màu vàng, ở chân tầng cát chứa nhiều sét. Độ dày

tầng phủ từ 8-40m, nếu khai thác lộ thiên thì phải đào, bốc xúc một khối lượng lớn đất cát đem đổ thải nơi khác.

Bốc xúc tầng đất cát phủ mỏ Thạch Khê

Dải đồi đất cát đổ thải có độ cao 50m

Quặng sắt Manhetit của mỏThạch Khê

"Phế tích" sau di dân ở xã Thạch Đỉnh

Năm 2007, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các nhà máy thép trong nước, Chính phủ Việt Nam đã quyết định khai thác mỏ sắt Thạch Khê. Công ty cổ phần sắt Thạch Khê (TIC) được thành lập ngày 17-05/ 2007 gồm 9 cổ đông với vốn điều lệ là 2.400 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là cổ đông chủ lực. Năm 2009, Công ty TIC bắt đầu thử nghiệm khai thác lộ thiên bằng thiết bị cơ giới. Vị trí khai trường đầu tiên được chọn tại xã Thạch Đỉnh, đổ thải tại xã Thạch Bàn. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, năm 2011 hoạt động khai thác mỏ Thạch Khê tạm dừng sau khi đã bóc đất tầng phủ đạt 12,7 triệu m^3, tạo ra một moong mỏ có kích thước rộng 0,6 x 1,0km, sâu hơn 30m và một bãi thải dạng đồi với độ cao 50m, chiếm diện tích 125ha. Năm 2016 moong mỏ trở thành một hồ nước lớn, nếu bơm với công suất 2.500m3/h thì 2 tháng mới tát cạn hồ này.

3.Những khó khăn và rủi ro khi khai thác mỏ sắt Thạch Khê

1) Khó khăn trong giữ ổn định bờ mỏ

Do tầng đất phủ rất dày, được cấu thành từ cát bở rời nên khi mở moong khai thác lộ thiên việc giữ ổn định bờ mỏ không hề đơn giản. Tuy các chuyên gia khai thác mỏ đã chọn góc dốc taluy bờ mỏ phù hợp theo lý thuyết, nhưng thực tế cho thấy cứ sau một trận mưa thì những dòng chảy mặt lại cuốn trôi cát xuống moong mỏ, tạo nên những bãi bồi tích mới ở chân bờ mỏ có thể nhìn thấy rất rõ trên ảnh vệ tinh, Công ty phải tốn thêm kinh phí để nạo vét moong mỏ. Để hạn chế dòng cát đổ xuống mỏ Công ty đã xây dựng bờ bao xung quanh mong mỏ bằng vật liệu đất cát. Những công việc này càng làm tăng cao giá thành sản phẩm quặng.

2) Khó khăn chống ngập và tháo khô mỏ

Toàn bộ thân quặng sắt của mỏ Thạch Khê đều nằm dưới mực nước biển, từ 40m đến độ sâu âm >500m, và dưới mực nước ngầm của cồn cát ven biển Hà Tĩnh. Khi mở moong lộ thiên, một mặt, nước ngầm từ khu vực xung quanh mỏ tự vận động về phía moong mỏ, đồng thời nước do mưa cũng tạo dòng chảy mặt đổ vào đây, làm cho moong mỏ lúc nào cũng chứa nhiều nước. Trong mùa mưa, nhất là vào thời kỳ mưa bão đổ vào miền Trung, thì moong mỏ bị ngập sâu là điều không thể tránh khỏi. Theo tính toán của các nhà địa chất thủy văn, lượng nước mặt và nước ngầm chảy vào mỏ trong khi khai thác trung bình lên đến 3.171.800m^3/ngày đêm. Khó khăn nhất đối với khai thác sắt Thạch Khê là thoát nước và tháo khô mỏ. Dự kiến có 2 phương án tháo khô mỏ: (i) Xây dựng hệ thống hố khoan quanh bờ mỏ để bơm hút nước nhằm hạ thấp mực nước trong moong mỏ; (ii) Kết hợp thoát nước cưỡng bức bằng trạm bơm công suất lớn. Khai thác càng xuống sâu thì thoát nước càng khó khăn, khi đó phải thiết lập một trạm bơm trung chuyển ở từng khoảng độ sâu. Nước mỏ bơm lên đổ vào bể lắng, rồi theo mương thải ra biển tại Thạch Hải.

3) Khó khăn trong công nghệ khai thác và rủi ro gặp hang động karstơ

Do quặng sắt ở mỏ Thạch Khê thuộc loại hình mỏ skarn trong đới tiếp xúc giữa đá magma và đá cacbonat, dung dịch tạo quặng di chuyển theo các khe nứt hoặc đới dập vỡ trong đá, lắng đọng và hình thành thân quặng có hình thù phức tạp, có chỗ phình to dạng thấu kính với quặng giàu, có nơi eo thắt lại xen lẫn nhiều đá mạch tạo thành quặng nghèo, gây nhiều khó khăn cho các kỹ sư mỏ và công nhân khai thác, nhất là khi phần lớn họ xuất phát từ các mỏ than trầm tích dạng vỉa ở Quảnh Ninh, còn thiếu kinh nghiệm trong khai thác mỏ sắt loại skarn.

Lựa chọn công nghệ khai thác hợp lý, giảm tổn thất tài nguyên là vấn đề quan trọng cần được xem xét.

Mặt khác, khai thác quặng sắt nằm sâu trong lòng đất tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tại vùng than Quảng Ninh, moong mỏ khai thác than lộ thiên Cọc Sáu cũng mới chỉ xuống sâu đến trên dưới 300m. Tại mỏ sắt Thạch Khê quặng nằm đến độ sâu âm 500m và hơn nữa, công nghệ khai thác kiểu mỏ này chưa có tiền lệ ở Việt Nam, nhiều khó khăn và rủi ro có thể xay ra như: sạt lở tầng đất phủ dọc bờ moong mỏ, ngập lụt nhấn chìn toàn bộ thiết bị cơ giới ở đáy moong mỏ khi có mưa bão lớn, sập sụt taluy mỏ ở những nơi có đới dập vỡ hay khe nứt kiến tạo, hoặc sự cố khi chuyển tải quặng sắt từ dưới sâu lên mặt đất v.v...

Ngoài ra, quặng nằm trong tầng đá skarn và đá vôi, có thể có các hang động karstơ ngầm tích nước, tiềm ẩn nguy cơ bục nước. Để đánh giá và phòng tránh những rủi ro này cần phải đầu tư nhiều vào công nghệ và thiết bị khai thác, hệ quả là giá thành sản phẩm càng tăng cao, không thể cạnh tranh với hàng hóa cùng loại trên thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác theo dự án chỉ khoảng 340 triệu tấn. Như vậy, sẽ bỏ mất khoảng 200 triệu tấn trữ lượng của mỏ. Con số này thật là khủng nếu so sánh với tổng trữ lượng quặng sắt (trừ mỏ Thạch Khê) đã được thăm dò trên lãnh thổ Việt Nam. Trữ lượng bị bỏ mất tại mỏ sắt Khạch Khê lớn hơn tổng lượng các mỏ khác cộng lại. Thật là lãng phí. Vấn đề này cần được suy xét thật kỹ trước khi đưa ra quyết định khai thác.

4) Vấn đề bảo vệ môi trường do đổ thải

Khối lượng chất thải từ "đại công trường" mỏ sắt Thạch Khê đổ ra môi trường xung quanh là rất lớn, gồm nước thải mỏ và đất đá thải. Theo thiết kế mỏ, nước thải mỏ được bơm từ moong mỏ, đổ vào một hồ chứa có diện tích 2ha, sâu 3m để lắng tự nhiên, sau đó theo kênh dẫn dài 550m đổ thẳng ra biển Thạch Hải. Nếu bỏ qua lượng nước mất đi do bốc hơi, thì khối lượng nước thải do bơm hút tháo khô mỏ cũng xấp xỉ tổng lượng nước mặt và nước ngầm hàng ngày đổ vào moong mỏ, là rất lớn. Hiện chưa có kết quả phân tích các kim loại nặng trong nước mỏ (Fe, Cu, Zn, Mn, Sn và các nguyên tố vi lượng khác), nên chưa thể đánh giá chất lượng của nước mỏ.

Đổ thải trên đất liền: Do tầng đất cát phủ trên mỏ Thạch Khê rất dày nên khối lượng đất thải là rất lớn. Chỉ trong giai đoạn 2009-2011, Công ty khai thác đã bốc xúc đất phủ đem đổ thải 12,7 triệu m^3, tạo thành đồi đất đá thải chiếm diện

tích 125ha, cao 50m. Theo thiết kế mỏ, bãi thải phía Bắc mỏ sẽ được tiếp tục đổ thải đạt đến cao trình 90m, với tổng khối lượng đất thải là 194.970.000m^3. Bãi thải này gây ra vấn nạn bụi cát vào mùa khô và cát trôi, cát chảy vào mùa mưa.

Đổ thải ra biển: Khi bãi đổ thải trên đất liền ở phía Bắc mỏ đã đầy, thì đất đá thải sẽ được đổ ra biển với tổng khối lượng 171.890.000m^3, tạo nên một bãi thải dọc bờ, từ mép nước đến đường đẳng sâu âm -10m, có cao trình bề mặt bãi +25m. Đây sẽ là bãi đổ đất đá thải mỏ lớn nhất Việt Nam. Tác động của các bãi đất đá thải này đến môi trường là rất lớn, nhất là đối với môi trường biển, mà hiện nay chưa được đánh giá đầy đủ. Nước thải mỏ sắt và đất đá thải còn lẫn quặng sắt đồng thời được đổ trực tiếp ra biển với khối lượng lớn. Vấn đề đặt ra là liệu bãi thải trên biển có thể chống chịu với các cơn bão nhiệt đới có gió mạnh (cấp 13-14), sóng to (cao 5-6m), hay là bị đổ vỡ tràn ra biển, cùng với các kim loại nặng đi kèm quặng sắt có gây ra thảm họa môi trường thứ 2 trên vùng biển Hà Tĩnh hay không? Cần có đáp án khoa học đối với câu hỏi này.

5) Nguy cơ nhiễm mặn và hoang mạc hóa vùng ven biển Thạch Hà

Khu vực mỏ sắt Thạch Khê nằm ở phía Đông thành phố Hà Tĩnh, trên địa bàn 6 xã Thạch Bàn, Thạch Đỉnh, Thạch Hải, Thạch Khê, Thạch Lạc và Thạch Trị thuộc huyện Thạch Hà. Khu vực này phía Đông giáp biển với đường bờ biển dài 15km theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, về phía Tây giới hạn bởi sông Hạ Vàng là sông nước lợ mặn. Đất đai chủ yếu là đất cát và cồn cát, trong đó chứa tầng nước ngầm ngọt, trong mối quan hệ cân bằng động với nước mặn bao quanh. Mực nước ngầm ở đây dao động từ sát mặt đất vào mùa mưa, hạ thấp đến âm 7-8m vào mùa khô kiệt, thực vật tự nhiên bản địa nhiều nhất là cây tràm gió và lùm bụi cây có gai. Người dân địa phương sinh sống và canh tác nông nghiệp nhờ vào nguồn nước ngọt từ cồn cát, được bổ cập do nước mưa vào 4 tháng mùa mưa. Khảo sát thực tế cho thấy, từ khi Công ty sắt Thạch Khê mở moong khai thác quặng, liên tục đào sâu 20-40m và bơm hút nước mỏ đổ ra biển, thì mực nước ngầm tại xã Thạch Đỉnh và Thạch Hải hạ thấp rất nhanh, khiến người dân phải khoan giếng sâu hơn để lấy nước, mặc dù nước bị nhiễm phèn, có nơi nhiễm mặn do nước biển xâm nhập vào. Như vậy, có cơ sở để dự báo rằng, nếu đào moong sâu xuống hàng trăm mét, mở rộng mỏ lên gấp 4-5 lần để khai thác quặng và bơm hút tháo khô moong mỏ thì nước mặn từ biển Đông và từ phía sông Hạ Vàng sẽ xâm nhập vào và dần thay thế khối nước ngọt trong đất cồn cát. Hệ quả tiếp theo là đất bị nhiễm mặn, thảm thực vật tự nhiên và cây trồng ở đây sẽ tàn lụi dần và

hệ sinh thái vốn có sẽ không còn tồn tại nữa. Đất cồn cát ven biển Thạch Hà sẽ trở thành một vùng hoang mạc!

6) Rủi ro do giá quặng sắt trên thị trường không ổn định

Từ năm 2014 giá quặng sắt trên thị trường thế giới đã giảm mạnh, chỉ còn 45 USD/tấn. Các dự báo cho biết năm 2016 giá quặng sẽ tiếp tục giảm. Trong khi đó, giá thành khai thác và sơ tuyển 1 tấn quặng sắt Thạch Khê, theo tính toán của Công ty TIC ở mức từ 50 USD trở lên, khá cao so với thị trường. Như vậy, khai thác mỏ sắt Thạch Khê trước mắt chưa thể đem lại hiệu quả kinh tế.

7) Khó khăn do thiếu vốn

Công ty TIC khi thành lập gồm 9 cổ đông với vốn điều lệ là 2.400 tỷ đồng. Các công ty nhà nước là những cổ đông lớn. Sau 2 năm khởi công, năm 2011 hoạt động của mỏ phải tạm dừng do nhiều nguyên nhân, trong đó có vấn đề thiếu vốn. Đến tháng 5/2013 các cổ đông mới góp được 1.190 tỷ đồng, trong lúc đó công việc đã làm và đã chi hết 1.250 tỷ đồng. Năm 2015 các cổ đông góp thêm 483 tỷ đồng, nhưng Công ty TIC phải trả nợ đáo hạn và chi phí phát sinh trong năm 2015 với tổng số là 876 tỷ đồng, vì vậy mỏ Thạch Khê vẫn tạm dừng. Mặc dù Chính phủ yêu cầu góp đủ vốn điều lệ vào tháng 7/2016, nhưng cho đến tháng 8/2016, một số cổ đông lớn vẫn không góp vốn vì lo ngại không rõ hiệu quả kinh tế của mỏ, lại gặp nhiều rủi ro, do vậy cho đến nay hoạt động của mỏ chưa được khôi phục. Như vậy, vốn đầu tư là vấn đề bức xúc đối với việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê. Trong 7 năm qua Công ty sắt Thạch Khê luôn là con nợ tiền tỷ, tình trạng này tiềm ẩn nhiều rủi ro trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Khai thác quặng sắt Thạch Khê và cuộc sống gian truân của cư dân nông nghiệp huyện Thạch Hà

Theo thiết kế, moong mỏ khai thác lộ thiên quặng sắt Thạch Khê có quy mô 4km, rộng 1-2km. Các công trình phụ trợ hoạt động mỏ, kể cả nhà làm việc của cơ quan mỏ, nhà ở công nhân, đường công tác chiếm diện tích đất rất lớn (3.887ha), gây tác động nhiều mặt đến môi trường và xã hội của 6 xã thuộc huyện Thạch Hà là: Thạch Khê, Thạch Đỉnh, Thạch Hải, Thạch Bàn, Thạch Trị và Thạch Lạc. Cư dân các xã này buộc phải di dời đến các khu tái định cư, xa nơi ở từ bao đời nay của họ.

Tháng 10/2008 UBND tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt vốn tái định cư 3.478 tỷ đồng để di dời 3.950 hộ dân. Việc giải phóng mặt bằng, đền bù đợt đầu được thực hiện đối với cư dân xóm 1 và xóm 2 của xã Thạch Đỉnh. Mỗi hộ nông dân nhận

được tiền đền bù khoảng 1,0 - 1,4 tỷ đồng tùy thuộc vào tài sản nhà cửa, đất vườn, đất canh tác nông nghiệp và được cấp 300m^2 đất tại khu tái định cư để xây nhà. Như vậy là minh bạch và tương đối thỏa đáng, người dân cảm nhận "sự đổi đời", họ dồn tiền xây nhà mới, trang trí nội thất, mua sắm mới các vật dụng gia đình. Tuy nhiên, hậu di dân mới là chuyện đáng buồn, cần suy ngẫm.

Những tưởng cuộc sống của 51 hộ dân với 357 nhân khẩu xã Thạch Đỉnh tại nơi ở mới sẽ sung túc, tốt đẹp hơn, song thời gian trôi đi, những hộ di dân ngoảnh lại, cay đắng nhận ra rằng, cuộc sống của họ còn lắm gian truân vì mới chỉ tạm "an cư" nhưng chưa và không bao giờ "lạc nghiệp" được, bởi vì họ là nông dân thực thụ, nhưng không được chính quyền cấp đất nông nghiệp để canh tác thì lấy gì để mưu sinh, lấy đâu các phụ phẩm nông nghiệp để chăn nuôi gia súc,gia cầm !

Trước đây, định cư trên dải đất cồn cát ven biển nghèo khó của tỉnh Hà Tĩnh, người dân chỉ biết trồng trọt và chăn nuôi, nhưng cũng đủ sinh sống qua ngày; Giờ đây, từ tay trắng không thể chuyển sang ngành nghề gì khác. Họ đành phải đi làm thuê khắp nơi: lên thành phố Hà Tĩnh chạy xe ôm; Thuê mướn ruộng đất của dân xã khác để cày cấy nhưng đâu có dễ, do giá thuê cao, thủy lợi không có, năng suất kém, nên người dân đang rơi vào tình trạng thiếu ăn kéo dài; Người lớn tuổi thì sống nhờ tiền trợ giúp của con cháu làm ăn trên thành phố gửi về, cuộc sống vô cùng bấp bênh và gian truân. Tuy cách xa khoảng 10km, nhưng nhiều hộ nông dân đành phải trở lại nơi ở cũ để trồng lạc, khoai, cấy lúa trên những mảnh đất hoang vốn là của họ, nay Công ty mỏ đã thu hồi, nhưng chưa sử dụng. Hàng ngày họ phải đi về để chăm sóc trẻ con, hoặc ở lại trong những chòi tranh rách nát để canh giữ các cây trồng. Tuy được sống trong căn hộ mới, nhưng phải chạy ăn từng bữa nên ti vi, tủ lạnh rồi cũng phải bán dần để chi trả tiền học cho con trẻ . Cuộc sống "một chốn đôi nơi" của người dân xóm 1 và xóm 2 của xã Thạch Đỉnh ngày càng khó trăm bề và chưa biết tương lai của họ đi về đâu !

4. So sánh lựa chọn và đánh đổi

Từ những dẫn liệu phân tích ở trên, nhận thấy rằng khai thác mỏ sắt Thạch Khê là một dự án kinh tế quy mô lớn, ảnh hưởng của nó không chỉ bó hẹp trên vùng đất Thạch Hà, mà còn vượt ra ngoài ranh giới của tỉnh Hà Tĩnh, gây ra tác động nhiều mặt, nhất là đối với môi trường xã hội, môi trường tự nhiên và lợi ích của các bên liên quan. Từ ngày khởi công khai thác thử TIC đã hoạt động được 9 năm, làm được nhiều việc, nhưng tổng chi phí lớn, đang trở thành một con nợ, đồng thời gặp phải những vấn đề hóc búa về kỹ thuật và công nghệ, do vậy việc

khai thác mỏ đã tạm dừng. Hệ lụy là số dân tái định cư không còn ruộng, đất để canh tác, rơi vào tình trạng thất nghiệp với cuộc sống muôn vàn khá khăn.

Phân tích so sánh giữa được và mất, lợi ích và thiệt hại, kinh tế và môi trường trong việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê thấy rằng, đây là vấn đề phức tạp, phương án đánh đổi được lựa chọn hoàn toàn phụ thuộc vào góc nhìn và chỗ đứng của mỗi chủ thể. Báo cáo nà đề xuất 3 phương án cho mỏ sắt Thạch Khê. Mỗi phương án có những lợi thế và nhược điểm nhất định.

1) Phương án 1: Tái khởi động thực hiện dự án khai thác, chấp nhận các rủi ro. Theo phương án này, cái được chính là tiếp nối những công việc đã làm như đã bóc đất tầng phủ; đã đúc rút được kinh nghiệm của giai đoạn khai thác thử nghiệm; nộp ngân sách và các khoản thuế và phí trên địa bàn, đồng thời phát triển các dịch vụ đi kèm trong quá trình khai thác, tạo việc làm cho người lao động. Cái mất là phải chấp nhận tất cả các rủi ro, tổng hòa các rủi ro đó là nguy cơ tác động mạnh đến môi trường đất, nước, biển và an sinh xã hội… mà việc khắc phục chúng sẽ đẩy giá thành sản xuất quặng lên cao, kém sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

2)Phương án 2. Chấm dứt hoạt động, cam chịu mất phần vốn đầu tư bỏ ra. Theo phương án này, cái được là tránh tất cả các rủi ro không mong muốn có thể xảy ra trong suốt đời dự án 52 năm; cái mất là phải chấp nhận mất một khoản vốn đầu tư lớn ban đầu (1.589,59 tỷ đồng), mà việc dựa vào kinh doanh khác để bù lại là không phải dễ dàng. Tuy nhiên, đây không phải mất trắng, vì rằng khoản tiền đền bù di dân, tuy lớn, nhưng có thế xem như là quà của nhà nước và doanh nghiệp cho cộng đồng cư dân nghèo khó của huyện Thạch Hà. Mặt khác, không khai thác mỏ sắt Thạch Khê trong giai đoạn hiện nay cũng đồng nghĩa rằng thế hệ hiện nay để dành có chủ đích món quà này cho con cháu muôn đời về sau.

3) Phương án 3. Tiếp tục dừng hoạt động của dự án. Nếu theo phương án này thì cần dừng lại dự án một thời gian cho đến khi những vấn đề về môi trường có được phương thức xử lý tốt; các khó khăn về kỹ thuật và công nghệ được khắc phục; các rủi ro đã có các giải pháp tránh né. Cái mất của phương án này là phải chấp nhận tạm dừng các hoạt động khai thác quặng sắt Thạch Khê, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến công ăn, việc làm của Công ty CP Sắt Thạch Khê (TIC) và kế hoạch phát triển sản xuất của chủ đầu tư. Cái được lớn nhất của phương án này

là tránh được những rủi ro không mong muốn, gây thiệt hại cho doanh nghiệp và cả xã hội trong thời gian tiếp theo của 52 năm dự án.

Thay lời kết

Trong kinh tế môi trường đã phát hiện ra nghịch lý mất cân đối, đó là kẻ gây ra rủi ro và ô nhiễm thì được lợi, còn những tác động của ô nhiễm và rủi ro thì toàn xã hội phải gánh chịu. Nhưng hiện nay chưa có công cụ đủ mạnh để trừng phạt và ngăn chặn hành vi này. Ở Việt Nam dường như trong phát triển kinh tế, người gây ra ô nhiễm thì được lợi nhiều về kinh tế, còn người không được lợi về kinh tế thì phải chịu hậu quả về môi trường. Trên thế giới còn có một lý thuyết khác gọi là công lý môi trường, có nghĩa là khi thực hiện một dự án đầu tư phát triển, các bên liên quan không chỉ chia sẻ về lợi ích kinh tế, mà quan trọng là để họ cùng chi trả về môi trường một cách công bằng.

Đánh đổi kinh tế và rủi ro môi trường không khôn khéo ắt sẽ dẫn đến đổ vỡ kinh tế vì không bền vững, đổ vỡ cả môi trường và xã hội, lúc đó sẽ phải đối mặt với những vấn đề môi trường nghiêm trọng phát sinh do phát triển kinh tế. Nếu tất cả những điều đó được xem xét cẩn trọng, công khai, minh bạch, có sự tham gia của nhiều bên liên quan, cùng các chuyên gia không chỉ kinh tế, mà cả môi trường, xã hội, văn hóa… thì sẽ có đầy đủ thông tin hơn và các quyết sách đưa ra sẽ được chính xác và công bằng. Minh bạch trong hoạt động khai thác khoáng sản được xem là một phương thức tốt để đưa ra quyết định đúng đắn về sự đánh đổi kinh tế và môi trường.

Tài liệu tham khảo:

1. Công ty cổ phần sắt Thạch Khê, Hà Tĩnh (2016). Tài liệu lưu trữ.

2. Trịnh Phương Ngọc (2015). Đề xuất giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả kinh tế Tổ hợp Bauxite-Alumina Tân Rai, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, số 20, kỳ 2 tháng 10/2015.

3. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2015). Thực thi EITI để cải cách ngành công nghiệp khai thác khoáng sản ở Việt Nam.

4. Đặng Trung Thuận (2014). Khai thác, chế biến bauxit Tân Rai Tây Nguyên - 5 năm tìm chọn một con đường. Báo cáo Hội thảo Khoa học, Đại học Tài nguyên và Môi trường, TP. Hồ Chí Minh.

5. Trung tâm con người và Thiên nhiên (2008). Phát triển và đánh đổi: Lựa chọn giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường, Tuyển tập báo chí môi trường.

6. Viện Tư vấn phát triển (2014). Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên. NXB Tri thức.

7. Micheal Common and Sigrid Stagl (2005), Ecological Economics An Introduction, Published in the United States of America by Cambridge University Press, New York.